TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 426/2026/DS-ST
Ngày: 26/6/2026
Về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Ông Ngô Văn Bi;

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp: Ông Trần Huỳnh Đức Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 349/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Bá P**, sinh năm 1985.

CCCD số: 082085010752;

Địa chỉ: khu phố L, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Ngô Trung H**, sinh năm 1991.

CCCD số: 082091003674;

Địa chỉ: khu phố G, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/12/2025)

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1989.

CCCD số: 082189006330;

Địa chỉ: khu phố L, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt; chị C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Bá P có người đại diện theo ủy quyền anh Ngô Trung H trình bày:*

Trước đây, do có quen biết nên chị Nguyễn Thị Kim C có hỏi mượn tiền của anh Trần Bá P để làm ăn, sinh sống. Ngày 06/4/2024, chị C có mượn anh P số tiền 286.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là đến ngày 04/11/2025. Chị C có viết giấy tay xác nhận việc mượn tiền của anh P và cam kết sẽ trả lại anh P đúng hẹn. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền, chị C không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận. Anh P đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu chị Chi T lại anh P số tiền trên, nhưng chị C chỉ hứa hẹn, khất dần mà không trả. Nhận thấy, việc không trả nợ cho anh P của chị C gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh P. Do đó, anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Tháp xem xét, giải quyết: Buộc chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa trả cho anh P số tiền gốc là 286.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng), không tính lãi suất. Yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Chi T cho anh P một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị C không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

**** Tại phiên tòa:*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trần Bá P khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim Chi T lại số tiền nợ vay, nên xác định đây là tranh chấp về "*hợp đồng vay tài sản*", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường S, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp tờ biên nhận viết tay trên giấy tập học sinh ngày 06/04/2024 do chị C viết nhận nợ và ký tên, lăn tay vào để xác nhận nợ. Trong tờ biên nhận ngày 06/04/2024, chị C có vay của anh P số tiền 286.000.000 đồng và hẹn đến ngày 04/11/2025 sẽ trả lại cho anh P, nhưng đến nay chị C vẫn chưa trả tiền cho anh P.

[3.2] Chị Nguyễn Thị Kim C mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của anh P cung cấp, xác định giao dịch vay tiền giữa anh P và chị C là có thật, chị C có vay của anh P số tiền 286.000.000 đồng đến nay chưa trả, nên anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Chi trả số tiền 286.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn anh Trần Bá P không yêu cầu tính lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ một lần khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn vắng mặt không có ý kiến. Xét việc bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C vắng mặt không thỏa thuận được thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật; phương thức và thời gian thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Bá P.

1. Buộc chị Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho anh Trần Bá P số tiền nợ vay là 286.000.000 đồng (*hai trăm tám mươi sáu triệu đồng*). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh P có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong; chị C phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 14.300.000 đồng (*mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Bá P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại anh P 7.150.000 đồng (*bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000810 ngày 14/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm